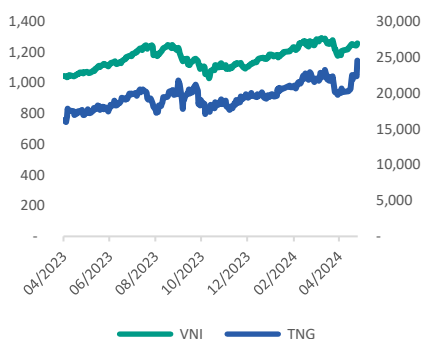


KHUYẾN NGHỊ	MUA	CTCP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG (HNX: TNG) VƯỢT LÊN CHÍNH MÌNH		
Giá hiện tại:	24,700	Ngày viết báo cáo:	15/05/2024	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
Giá mục tiêu trước đây	26,200	Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	114	Nguyễn Văn Thời 17.16%
Giá mục tiêu mới:	31,000	Vốn hóa (tỷ đồng)	2,407	Nguyễn Đức Mạnh 7.12%
Tỷ suất cổ tức		Thanh khoản 6M (Triệu CP):	2.1	Trần Cảnh Thông 6.26%
Tiềm năng tăng giá	25%	Sở hữu nước ngoài	22.6%	

Bộ phận Research:

Trần Lâm Tùng,
(Thủy sản, dệt may, công nghệ)
Tungtl@bsc.com.vn

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

Trong xuyên suốt các khuyến nghị của BSC từ cuối [Q4.2023](#) và [Q1.2024](#), **TNG đã ghi nhận mức tăng +25% tương đối tích cực** đã phần nào phản ánh **(1)** triển vọng đơn hàng, đơn giá hồi phục trong 2024 **(2)** tốc độ hồi phục kỳ vọng tốt hơn các doanh nghiệp cùng ngành khác nhờ duy trì được quy mô doanh thu không giảm trong giai đoạn khó khăn của ngành may.

Ở thời điểm hiện tại, BSC đưa ra khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu **TNG** với mức giá mục tiêu cho năm 2024 bằng **31,000 VNĐ/CP** (+18% so với báo cáo trước đó, +25% so với giá ngày 15/05/2024) dựa trên:

- (1) Duy trì mức P/E mục tiêu = 9 lần trong những báo cáo trước đó.
- (2) BSC sử dụng mức EPS của năm 2025 thay vì mức EPS của 2024 trong báo cáo trước đó do **(i)** đánh giá đầy đủ hơn triển vọng hồi phục của TNG khi ngành dệt may được dự báo là sẽ hồi phục hoàn toàn vào năm 2025, và **hiện tại các giả định và kỳ vọng của BSC cho TNG đang đi đúng theo kỳ vọng ban đầu, (ii)** mức chiết khấu 10% được áp dụng cho các chi phí cơ hội.

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

So với báo cáo cập nhật trước đó, BSC vẫn duy trì quan điểm trong 2024, TNG sẽ ghi nhận KQKD hồi phục mạnh mẽ svck và mức độ hồi phục sẽ trở nên rõ rệt hơn trong Q2.2024 và Q3.2024 nhờ:

- (1) **Lượng đơn hàng đã được lấp đầy đến hết Q3.2024 (tương đương 75% kế hoạch)** nhờ (i) nhu cầu hồi phục tại thị trường Mỹ và (ii) TNG thu hút thêm đơn hàng nhờ theo đuổi chiến lược xanh, đáp ứng các tiêu chí ESG của nhãn hàng.
- (2) **Biên lợi nhuận Q2.2024 và Q3.2024 kỳ vọng cải thiện mạnh so với cùng kỳ** nhờ đơn giá bình quân năm +5% yoy

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2024, BSC dự báo TNG ghi nhận DTT và LNST-CĐTS lần lượt đạt 7,932 tỷ đồng (+11% yoy) và 336 tỷ đồng (+49% yoy), thay đổi lần lượt -2%/+2% so với báo cáo trước đó, tương đương EPS = 2,984 VNĐ/CP, EPS FW = 8.3 lần.

Năm 2025, BSC dự báo TNG ghi nhận DTT và LNST-CĐTS lần lượt đạt 9,659 tỷ đồng (+22% yoy) và 430 tỷ đồng (+28% yoy), tương đương EPS = 3,819 VNĐ/CP, EPS FW = 6.5 lần

RỦI RO: (1) Nhu cầu/tồn kho tại thị trường Mỹ hồi phục/giảm chậm hơn kỳ vọng (2) Tăng chi phí nhân công do tăng mức lương tối thiểu.

Chỉ số	2023	2024F	2025F	Peer	VNI		2022	2023	2024F	2025F
PE (x)	9	8.3	6.5	14	14.8	Doanh thu thuần	6,772	7,096	7,932	9,659
PB (x)	1.3	1.1	1	2.1	1.9	Lợi nhuận gộp	999	982	1,176	1,368
ROE (%)	12%	16%	19%	16%	12.4%	LNST - CĐTS	293	226	336	430
ROA (%)	4%	6%	6%	8%	2.1%	EPS	2,787	2,127	2,984	3,819
						Tăng trưởng EPS	11%	-24%	49%	28%

I. CẬP NHẬT KQKD Q1.2024

Hình: Tóm tắt KQKD của TNG trong Q1.2024

TNG_Tỷ VNĐ	Q1.2023	Q1.2024	% YoY	2022	2023	% YoY
Doanh thu thuần	1,335	1,354	1%	6,778	7,092	5%
Giá vốn hàng bán	(1,143)	(1,151)	1%	(5,773)	(6,114)	6%
Lãi gộp	192	203	6%	1,005	978	-3%
Thu nhập tài chính	23	16	-30%	98	97	0%
Chi phí tài chính	(65)	(62)	-4%	(279)	(323)	16%
Trong đó: Chi phí lãi vay	(56)	(52)	-7%	(179)	(234)	30%
Lãi/(lỗ) từ CTLK	-	-	-	-	-	-
Chi phí bán hàng	(14)	(18)	28%	(77)	(102)	32%
CP QLDN	(80)	(86)	7%	(375)	(349)	-7%
Lãi từ HĐKD	56	53	-6%	371	302	-19%
Thu nhập khác, ròng	(3)	(2)	-33%	(14)	(21)	54%
LNTT	53	52	-3%	357	281	-21%
Thuế TNDN	(10)	(10)	-100%	(65)	(54)	-18%
LNST	44	42	-4%	292	227	-22%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	1	-
LNST-CDTS	44	42	-4%	292	227	-22%
Chỉ số						
Biên LNG	14.4%	15.0%	1%	15%	14%	-1%
Biên LNR	3%	3%	0%	4%	3%	-1%
SG&A/DT	7%	8%	1%	7%	6%	0%

Nguồn: BCTC TNG, BSC research tổng hợp

Nhận xét KQKD Q1.2024 – Lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng do một số đơn hàng bị hoãn xuất trong T3.2024

Chúng tôi cho rằng trong Q1.2024 có một số điểm cần chú ý sau:

(1) Doanh thu thuần đi ngang svck:

- Một số đơn hàng của TNG bị hoãn xuất trong T3.2024 do phía bên mua đang đàm phán lại giá vận chuyển với các hãng tàu.
- TNG giảm lượng đơn CMT để tập trung công suất cho lượng đơn hàng gia tăng từ các khách hàng chính (Decathlon, TCP, ...)

(2) Biên gộp = 15% cải thiện 0.6% svck nhờ ước tính +1-2% so với cùng kỳ nhưng LNST – CDTS của TNG vẫn giảm -4% yoy do TNG thực hiện thiết lập, tăng công suất và chuyển dịch nhà máy Việt Thái vào trong KCN Sơn Cẩm làm tỷ lệ SG&A/DT tăng 0.6%.

Nhìn chung, KQKD Q1.2024 của TNG thấp hơn -15% so với kỳ vọng của BSC khi doanh thu không đạt như kỳ vọng do một lượng đơn hàng bị hoãn xuất trong T3.2024 và lượng đơn hàng này sẽ được giao đến nhân hàng trong Q2.2024 sau khi các hợp đồng vận chuyển được hoàn tất.

II. CẬP NHẬT LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

So với báo cáo cập nhật trước đó, mặc dù KQKD Q1.2024 thấp hơn kỳ vọng, tuy nhiên, BSC vẫn duy trì quan điểm trong 2024, TNG sẽ ghi nhận KQKD hồi phục mạnh mẽ svck và mức độ hồi phục sẽ trở nên rõ rệt hơn trong Q2.2024 và Q3.2024 nhờ

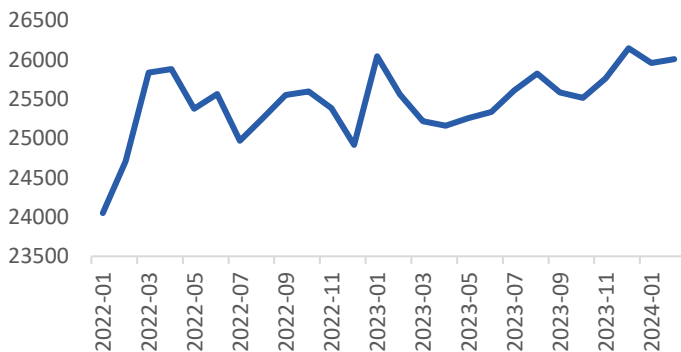
(1) Lượng đơn hàng đã được lấp đầy đến hết Q3.2024 (tương đương 75% kế hoạch) nhờ (i) nhu cầu hồi phục tại thị trường Mỹ và (ii) TNG thu hút thêm đơn hàng nhờ theo đuổi chiến lược xanh, đáp ứng các tiêu chí ESG của nhãn hàng (đã được đề cập trong những báo cáo cập nhật [Q4.2023](#) và [Q1.2024](#)).

(2) Biên lợi nhuận Q2.2024 và Q3.2024 kỳ vọng cải thiện mạnh so với cùng kỳ nhờ đơn giá bình quân năm +5% yoy khi nhu cầu từ đặt hàng từ các khách hàng của TNG tăng mạnh trở lại (cùng giai đoạn năm 2023 là giai đoạn mà TNG và ngành may mặc Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi đơn giá giảm)

1. Hiện tại lượng đơn hàng của TNG đã được phủ kín đến hết Q3.2024 chủ yếu nhờ các đơn hàng gia tăng từ các khách hàng quen thuộc như Decathlon, TCP, Asmara... do:

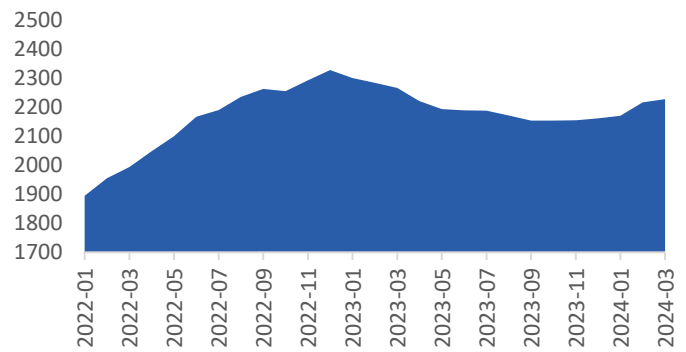
- (1) Mức tồn kho hàng may mặc neo ở mức thấp, ở chiều ngược lại thị trường bán lẻ quần áo lại duy trì xu hướng hồi phục trở lại, cụ thể:**
- Doanh số bán lẻ quần áo Mỹ T2 = 26 tỷ USD (+2% yoy)
 - Tồn kho quần áo Mỹ T3 = 2.29 tỷ USD (-1% yoy)

Hình: Doanh số bán lẻ quần áo Mỹ (đã điều chỉnh yếu tố mùa vụ)



Nguồn: Fred

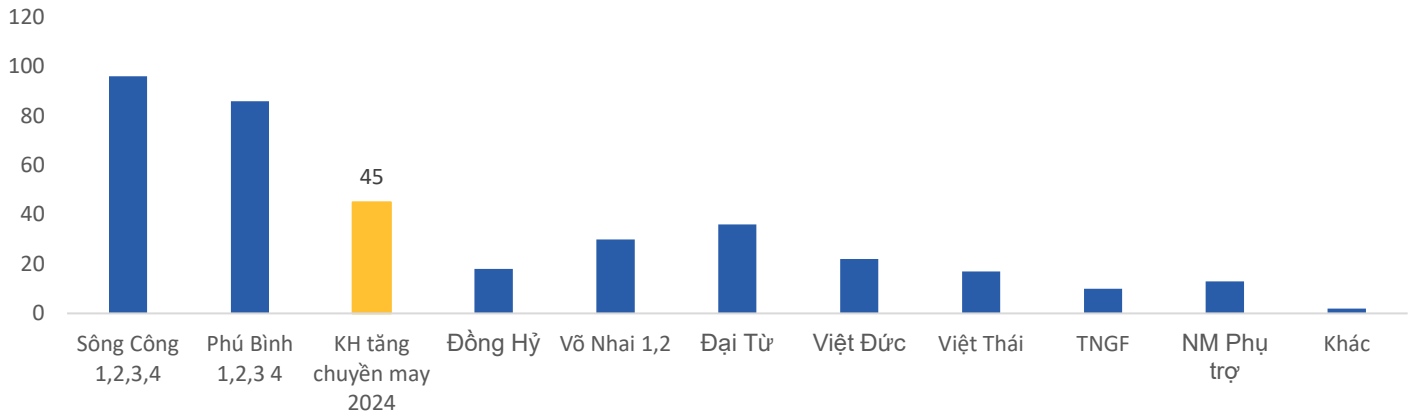
Hình: Tồn kho quần áo Mỹ



Nguồn: Fred

- (2) TNG thu hút thêm lượng đơn hàng từ cả khách hàng cũ và mới nhờ đáp ứng các yếu tố, tiêu chuẩn về ESG đặc biệt sau 2 sự vụ tại Bangladesh và Tân Cương (đã đề cập trong báo cáo trước đó).**
- (3) Nhằm đáp ứng lượng đơn tăng thêm TNG sẽ thực hiện tăng thêm 15% công suất trong quá trình dịch chuyển hai nhà máy Việt Đức và Việt Thái (đã hoàn thành trong Q1) vào trong KCN Sơn Cầm.**

Hình: TNG gia tăng 15% công suất trong 2024 nhằm đáp ứng lượng đơn hồi phục/tăng thêm



Nguồn: TNG

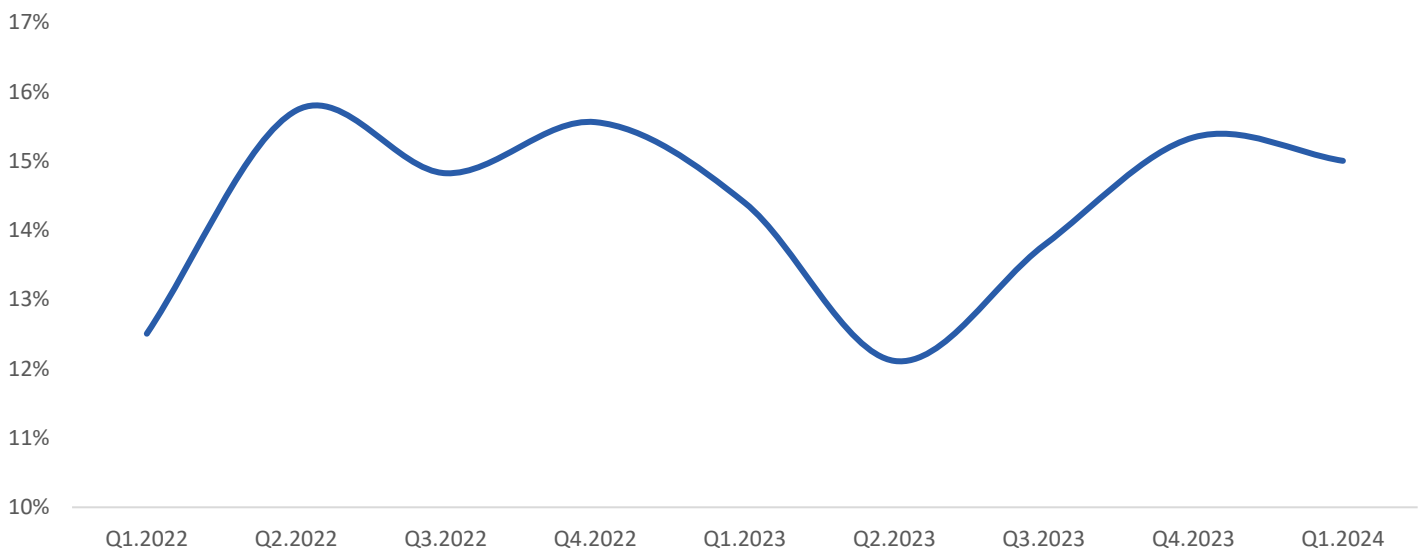
2. KQKD Q2.2024 và Q3.2024 có thể sẽ cải thiện rõ rệt hơn so với cùng kỳ nhờ biên lợi nhuận kỳ vọng cải thiện.

BSC giữ quan điểm biên lợi nhuận của TNG sẽ được cải thiện trong năm 2024 nhờ đơn giá cải thiện khi nhu cầu các sản phẩm may mặc dần ấm trở lại tại các thị trường xuất khẩu chính, do:

- (1) Qua trao đổi với ban lãnh đạo TNG, trong 2024, đơn giá của các đơn hàng ký mới của TNG tăng bình quân khoảng +5% so với mặt bằng năm 2023 (cao hơn mức kỳ vọng +3% yoy trong báo cáo trước đó của BSC) nhờ (i) TNG tập trung vào sản xuất các mặt hàng FOB có giá trị gia tăng cao phục vụ cho nhu cầu tăng trở lại của các nhóm khách hàng cũ (Decathlon, Asmara, Sportmaster,...) (ii) giảm bớt lượng đơn CMT với giá trị thấp (trong 2023, TNG thêm nhiều đơn CMT nhằm đảm bảo nguồn việc cho nhân công).
- (2) Đơn giá xuất khẩu đã có sự cải thiện ngay trong Q1.2024, ước tính mức tăng so với cùng kỳ khoảng từ 1% - 2%. BSC cho rằng sở dĩ trong Q1.2024, đơn giá tăng thấp hơn so với con số mà ban lãnh đạo đưa ra chủ yếu đến từ (i) ảnh hưởng từ các đơn hàng giá thấp của năm 2023 được xuất trong T1.2024 (ii) một số đơn hàng bị hoãn trong T3.2024.

Sự cải thiện lợi nhuận có thể trở nên rõ rệt hơn từ Q2.2023 và Q3.2024 do đây là giai đoạn mà TNG và ngành may mặc Việt Nam bởi sự sụt giảm đơn giá các mặt hàng dệt may xuất khẩu.

Hình: Biên lợi nhuận gộp của TNG cải thiện trong Q1.2024 phần nào phản ánh đơn giá hồi phục

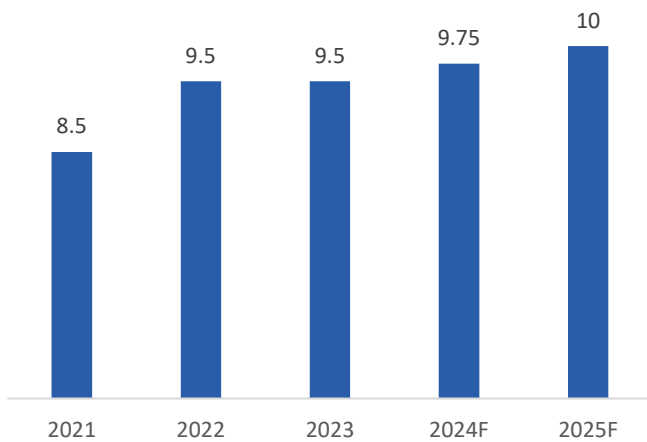


Nguồn: BCTC TNG

Tuy nhiên, kể từ 1/7/2024, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sẽ thực hiện nghị định tăng lương tối thiểu thêm khoảng 6% tại hầu hết tất cả các vùng trên cả nước. **BSC lưu ý việc tăng lương tối thiểu sẽ có tác động trực tiếp lên biên lợi nhuận của doanh nghiệp do tính thâm dụng lao động lớn của ngành dệt may và chi phí lương ước tính chiếm khoảng 31% - 33% cơ cấu chi phí của TNG, cụ thể:**

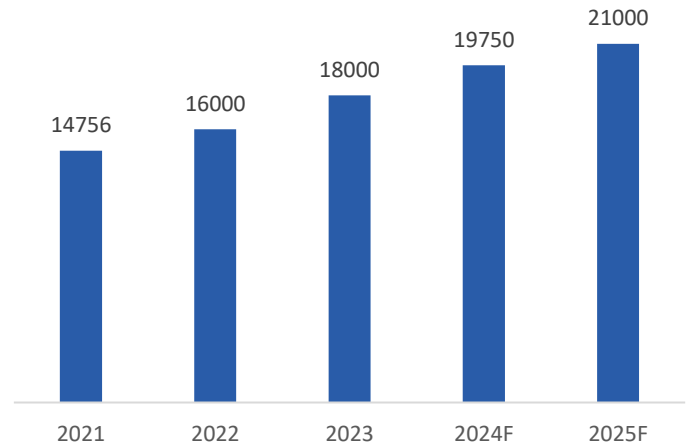
- (1) Ước tính mức lương bình quân trả cho người lao động của TNG sẽ tăng khoảng +3%/2.5% yoy trong năm 2024/2025 dựa trên mức lương hiện tại của TNG = 9.5 triệu/người.
- (2) Ngoài ra, trong 2H.2024, TNG cũng sẽ tuyển thêm khoảng 3,000 nhân sự mới nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng. Như vậy, lượng nhân sự trung bình năm 2024 ước đạt = 19.75 nghìn người (+8% yoy)

Hình: Chi phí lương bình quân của TNG (triệu đồng)



Hình: BCTN TNG, BSC dự phóng

Hình: Số lượng nhân công bình quân của TNG (người)



Hình: BCTN TNG, BSC dự phóng

Do vậy, chi phí nhân công trong 2024 của TNG có thể sẽ tăng +11% yoy, tuy nhiên với việc đơn giá bình quân năm hồi phục +5% yoy cao hơn so với kỳ vọng +3% yoy trong báo cáo trước đó của BSC. Chúng tôi cho rằng biên lợi nhuận của TNG sẽ hồi phục khoảng 1 điểm % svck và đạt mức = 14.8% (tăng 0.7% so với báo cáo trước đó của BSC).

III. DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2024, BSC dự báo TNG ghi nhận DTT và LNST-CĐTS lần lượt đạt 7,932 tỷ đồng (+11% yoy) và 336 tỷ đồng (+49% yoy), thay đổi lần lượt -2%/+2% so với báo cáo trước đó, tương đương EPS = 2,984 VNĐ/CP, EPS FW = 8.3 lần. Mức thay đổi chủ yếu đến từ:

- (1) Điều chỉnh giảm -10% doanh thu đơn gia công (CMT) do TNG giảm lượng đơn gia công nhận vào trong 2024 nhằm đảm bảo công suất phục vụ cho các khách hàng chính.
- (2) Điều chỉnh biên lợi nhuận gộp từ 14.1% lên 14.8% do (i) biên lợi nhuận Q1 cao hơn 0.6% so với ước tính của BSC và (ii) đơn giá bình quân năm 2024 +5% yoy cao hơn 2 điểm % so với kỳ vọng của BSC (iii) chi phí nhân công +11% yoy.
- (3) Điều chỉnh tỷ lệ chi phí QLDN/DT từ 5.0% lên 5.5% do (i) tỷ lệ chi phí QLDN/DT trong Q1.2024 cao hơn 0.6% điểm so với ước tính của BSC (ii) TNG chuyển dịch 2 nhà máy vào KCN Sơn Cầm trong 2024.

Năm 2025, BSC dự báo TNG ghi nhận DTT và LNST-CĐTS lần lượt đạt 9,659 tỷ đồng (+22% yoy) và 430 tỷ đồng (+28% yoy), tương đương EPS = 3,819 VNĐ/CP, EPS FW = 6.5 lần, dựa trên những giả định sau:

- (1) Đơn hàng xuất khẩu +22% nhờ nhu cầu thị trường tiếp tục hồi phục trong năm 2025 (chi tiết xem tại những báo cáo cập nhật trước)
- (2) Biên lợi nhuận gộp = 14.9% cải thiện nhẹ 0.1 điểm % so với cùng kỳ nhờ (i) đơn giá năm 2025 kỳ vọng tăng +1% so với 2024 (ii) chi phí nhân công +8% yoy.
- (3) Tỷ lệ SG&A/DT = 6.9% tương đương so với năm 2024.

	Đơn vị	TH 2023	Ước tính 2024 mới	Ước tính 2025	%yoy 2024	%yoy 2025
Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	257	293	357	14%	22%
Tài chính						
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	7,096	7,932	9,659	12%	22%
May mặc xuất khẩu		6,033	6,879	8,401	14%	22%
Gia công		1,015	1,015	1,218	0%	20%
Bán SP thời trang		16	18	20	10%	10%
BDS, khác		20	20	20	0%	0%
Lợi nhuận gộp		982	1,176	1,437	20%	22%
Biên lợi nhuận gộp		13.8%	14.8%	14.9%	7%	0%
Chi phí bán hàng		(101.74)	(113.72)	(138.49)		
Biên chi phí bán hàng		1.4%	1.4%	1.4%		
Chi phí quản lý		(352)	(436)	(531)		
Biên chi phí quản lý		5.0%	5.5%	5.5%		
Doanh thu tài chính		97	102	103		
Chi phí tài chính		(325)	(290)	(346)	-11%	19%
Chi phí lãi vay		(251)	(222)	(263)	-12%	19%
Lợi nhuận trước thuế		279	416	532	49%	28%
Lợi nhuận sau thuế		226	336	430	49%	28%
LNST - CĐTS		226	336	430	49%	28%
EPS		2,127	2,984	3,819	40%	28%

Nguồn: BSC dự phóng

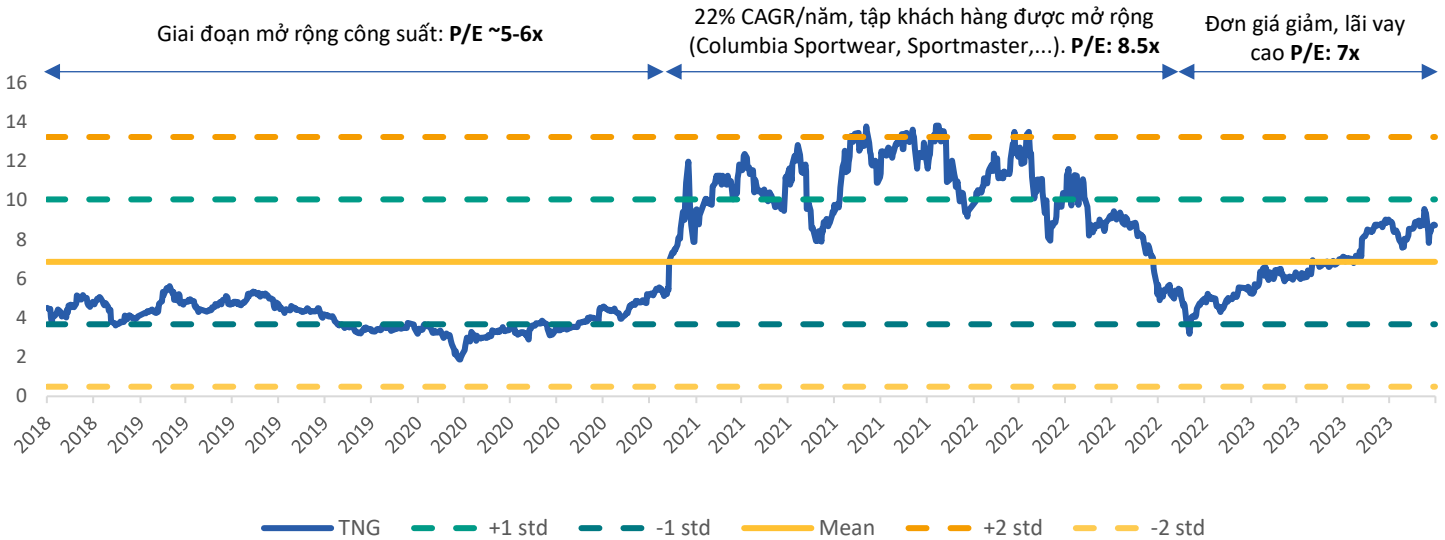
IV. ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ.

Trong xuyên suốt các khuyến nghị của BSC từ cuối [Q4.2023](#) và [Q1.2024](#), TNG đã ghi nhận mức tăng +25% tương đối tích cực đã phần nào phản ánh (1) triển vọng đơn hàng, đơn giá hồi phục trong 2024 (2) tốc độ hồi phục kỳ vọng tốt hơn các doanh nghiệp cùng ngành khác nhờ duy trì được quy mô doanh thu không giảm so với các doanh nghiệp cùng ngành khác trong giai đoạn khó khăn của ngành may.

Ở thời điểm hiện tại, BSC đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu TNG với mức giá mục tiêu cho năm 2024 bằng **31,000 VNĐ/CP** (+18% so với báo cáo trước đó, +25% so với giá ngày 15/05/2024) dựa trên:

- (1) Duy trì mức P/E mục tiêu = 9 lần trong những báo cáo trước đó.
- (2) BSC sử dụng mức EPS của năm 2025 thay vì mức EPS của 2024 trong báo cáo trước đó do (i) đánh giá đầy đủ hơn triển vọng hồi phục của TNG khi ngành dệt may được dự báo là sẽ hồi phục hoàn toàn vào năm 2025, khi cơ bản hiện tại các giả định và kỳ vọng của BSC cho TNG đang đi đúng theo kỳ vọng ban đầu, (ii) áp dụng mức chiết khấu 10% cho các chi phí cơ hội.

TNG P/E 5yrs



Hình: Định giá cổ phiếu

Phương pháp P/E	Giá trị
EPS 2025	3,819 VNĐ
P/E mục tiêu = 9 lần	9
Giá trị hợp lý TNG theo phương pháp P/E (VNĐ/CP)	34,367
Mức chiết khấu	10%
Giá mục tiêu 2024	31,000

PHỤ LỤC

KQKD(Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024F	2025F
Doanh thu thuần	5,444	6,772	7,096	7,932	9,659
Giá vốn hàng bán	(4,717)	(5,773)	(6,114)	(6,755)	(8,222)
Lợi nhuận gộp	727	999	982	1,176	1,437
Thu nhập tài chính	60	121	97	100	132
Chi phí tài chính	(170)	(302)	(325)	(290)	(346)
Trong đó: Chi phí lãi vay	(125)	(160)	(251)	(222)	(263)
Lãi/(lỗ) từ CTLK	-	-	-	-	-
Chi phí BH	(86)	(78)	(102)	(114)	(138)
Chi phí QLDN	(242)	(368)	(352)	(436)	(531)
Lãi từ HĐKD	288	373	300	437	553
Thu nhập khác, ròng	(7)	(14)	(21)	(21)	(21)
LNNT	281	359	279	416	532
Thuế TNDN	(49)	(66)	(54)	(80)	(102)
LNST	232	293	226	336	430
Lợi ích ĐKKK	-	-	-	-	-
LNST Công ty mẹ	232	293	226	336	430
EPS	2,506	2,787	2,127	2,984	3,819

ĐCKT (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024F	2025F
Tiền và tương đương tiền	14	512	299	673	1,558
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn	719	559	790	654	797
Hàng tồn kho	1,159	1,280	888	906	924
TS ngắn hạn khác	134	256	147	300	366
TS ngắn hạn	2,026	2,608	2,125	2,533	3,644
Phải thu dài hạn	21	11	11	13	15
TSCĐ nguyên giá	2,527	3,010	3,583	3,839	3,877
Khấu hao	(1,025)	(1,197)	(1,390)	(1,651)	(1,922)
TSĐT nguyên giá	33	33	330	325	320
Khấu hao	(0)	(1)	(5)	(5)	(5)
TS dở dang dài hạn	671	684	433	684	684
ĐT dài hạn	-	-	-	-	-
TS dài hạn khác	115	145	165	170	207
TS dài hạn	2,342	2,684	3,127	3,375	3,177
Tổng TS	4,367	5,292	5,251	5,908	6,822
Nợ phải trả	825	963	737	1,118	1,341
Vay ngắn hạn	1,622	1,961	1,819	2,070	2,480
Tổng Nợ ngắn hạn	2,447	2,925	2,556	3,189	3,821
Vay dài hạn	457	715	822	643	665
Nợ dài hạn khác	1	2	12	12	12
Tổng Nợ dài hạn	458	717	834	655	677
Tổng Nợ phải trả	2,905	3,641	3,390	3,844	4,498
Vốn góp	927	1,051	1,135	1,135	1,135
Thặng dư vốn	41	41	41	41	41
Vốn chủ khác	262	285	373	373	373
Lãi chưa phân phối	232	251	178	381	641
Lợi ích CĐTS	-	23	133	133	133
Tổng VCSH	1,462	1,651	1,861	2,064	2,324
Tổng nguồn vốn	4,367	5,292	5,251	5,908	6,822

LCTT (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024F	2025F
(Lỗ)/LNNT	281	359	-	416	532
Khấu hao và phân bổ	164	195	-	261	271
Thay đổi vốn lưu động	(361)	(74)	-	340	(44)
Điều chỉnh khác	(48)	(98)	(323)	(80)	(102)
LCTT từ HĐKD	36	382	(201)	937	657
Tiền chi mua TSCĐ	(579)	(470)	(229)	(503)	(33)
Đầu tư khác	2	3	174	-	-
LCTT từ HĐĐT	(577)	(467)	(55)	(503)	(33)
Tiền chi trả cổ tức	(30)	(116)	(87)	(133)	(171)
Tiền từ vay ròng	452	628	21	73	432
Tiền thu khác	-	73	108	-	-
LCTT từ HĐTC	422	585	42	(60)	261
Dòng tiền đầu kỳ	133	14	512	299	673
Tiền trong kì	(119)	499	(214)	374	885
Dòng tiền cuối kỳ	14	512	299	673	1,558

Chỉ số	2021	2022	2023	2024F	2025F
Khả năng thanh toán					
H số TT ngắn hạn	0.8	0.9	0.8	0.8	1.0
H số TT nhanh	0.3	0.4	0.4	0.4	0.6
Cơ cấu vốn					
H số Nợ/TTS	67%	69%	65%	65%	66%
H số Nợ/VCSH	199%	221%	182%	186%	194%
Năng lực hoạt động					
Số ngày HTK	90	81	53	49	41
Số ngày phải thu ngắn hạn	48	30	41	30	30
Tỉ suất lợi nhuận					
Lợi nhuận gộp	13%	14.8%	13.8%	14.8%	14.9%
Lợi nhuận LNST	4%	4%	3%	4%	4%
ROE	16%	18%	12%	16%	19%
ROA	5%	6%	4%	6%	6%
Tăng trưởng					
Tăng trưởng DTT	22%	24%	5%	12%	22%
Tăng trưởng EBIT	41%	28%	2%	20%	25%
Tăng trưởng LNNT	51%	28%	-22%	49%	28%
Tăng trưởng EPS	21%	11%	-24%	40%	28%
SLCP lưu hành (triệu)	93	105	106	113	113
BVPS	15,774	15,704	17,538	18,322	20,626

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự VND ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thaiholdings
210 Trần Quang Khải Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place,
93 Đường Nguyễn Du, Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh.
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>

<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

